

KẾ HOẠCH

tổng kết Đề án số 09-ĐA/TU, ngày 09/6/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển tổ chức đảng, đảng viên góp phần xây dựng, củng cố hệ thống chính trị ở các xã biên giới, xã đặc biệt khó khăn tỉnh Điện Biên giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tổng kết, đánh giá toàn diện kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Đề án số 09-ĐA/TU, ngày 09/6/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển tổ chức đảng, đảng viên góp phần xây dựng, củng cố hệ thống chính trị ở các xã biên giới, xã đặc biệt khó khăn tỉnh Điện Biên giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030 (viết tắt là Đề án số 09-ĐA/TU). Việc tổng kết phải được triển khai thực hiện từ cấp cơ sở; đánh giá đúng thực chất, khách quan về kết quả triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra.

2. Nội dung đánh giá phải đảm bảo chất lượng, đánh giá kết quả đạt được, làm rõ những ưu điểm, khuyết điểm, khó khăn, vướng mắc, tồn tại, bất cập trong hoạt động công tác của chi bộ và phát triển đảng viên, tổ chức đảng ở những xã, thôn, bản biên giới, đặc biệt khó khăn; đồng thời xác định rõ nguyên nhân, rút ra bài học kinh nghiệm; đề xuất với cấp ủy cấp trên trực tiếp về những nhiệm vụ, giải pháp thực hiện cụ thể trong thời gian tới.

II- NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP, THỜI GIAN TIẾN HÀNH**1. Nội dung**

Đánh giá kết quả đạt được về công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Đề án số 09-ĐA/TU; đề xuất nhiệm vụ, giải pháp thực hiện trong thời gian tới (theo Đề cương báo cáo và Phụ lục gửi kèm).

2. Phương pháp tiến hành và thời gian tổng kết

2.1. Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy (không bao gồm Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh, Đảng ủy UBND tỉnh, Đảng ủy Công an tỉnh, Đảng ủy Quân sự tỉnh): Căn cứ tình hình thực tế, tiến hành chỉ đạo, thực hiện tổng kết Đề án số 09-ĐA/TU bằng hình thức phù hợp; gửi báo cáo về Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy) trước ngày 15/3/2026 để tổng hợp.

2.2. Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy theo chức năng, nhiệm vụ và quá trình theo dõi, kiểm tra, giám sát các cấp ủy, tổ chức đảng, đề xuất những nội dung nhằm nâng cao công tác phát triển tổ chức đảng, đảng viên ở các xã biên giới, xã đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh; gửi báo cáo về Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy) **trước ngày 15/3/2026** để tổng hợp.

2.3. Ban Thường vụ Tỉnh ủy: Tổng kết Đề án số 09-ĐA/TU, ban hành Kết luận việc thực hiện Đề án; hoàn thành **trước ngày 25/3/2026**.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đảng ủy trực thuộc tỉnh tổ chức thực hiện nghiêm túc Kế hoạch này; chỉ đạo, hướng dẫn cụ thể các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc liên quan thực hiện tổng kết Đề án đảm bảo chất lượng và thời gian theo yêu cầu.

2. Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch. Phối hợp tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng dự thảo báo cáo tổng kết thực hiện Đề án số 09-ĐA/TU.

3. Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy tổng hợp, xây dựng dự thảo báo cáo tổng kết Đề án số 09-ĐA/TU, báo cáo Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Văn phòng Tỉnh ủy) **trước ngày 20/3/2026**.

4. Văn phòng Tỉnh ủy phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan hoàn thiện báo cáo tổng kết Đề án số 09-ĐA/TU đảm bảo chất lượng, đúng thời gian theo Kế hoạch.

5. Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo, đôn đốc các đảng ủy được phân công theo dõi thực hiện tổng kết Đề án số 09-ĐA/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Căn cứ Kế hoạch này, các cấp ủy, tổ chức đảng, các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện đảm bảo tiến độ, thời gian theo yêu cầu.

Nơi nhận:

- Đồng chí Bí thư Tỉnh ủy (để báo cáo),
- Các đồng chí Phó Bí thư Tỉnh ủy,
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh ủy,
- Các đ/c Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy,
- Các đ/c Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**



Mùa A Vắng

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

tổng kết Đề án số 09-ĐA/TU, ngày 09/6/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển tổ chức đảng, đảng viên góp phần xây dựng, củng cố hệ thống chính trị ở các xã biên giới, xã đặc biệt khó khăn tỉnh Điện Biên giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030
(kèm theo Kế hoạch số 32-KH/TU, ngày 28/02/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Thực hiện Kế hoạch số ...-KH/TU, ngày .../02/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tổng kết Đề án số 09-ĐA/TU, ngày 09/6/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển tổ chức đảng, đảng viên góp phần xây dựng, củng cố hệ thống chính trị ở các xã biên giới, xã đặc biệt khó khăn tỉnh Điện Biên giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030; Ban Thường vụ Đảng ủy ... báo cáo kết quả như sau:

I- ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

1. Khái quát đặc điểm tình hình của địa phương, đơn vị thuận lợi, khó khăn tác động đến việc triển khai đề án.

- Hệ thống chính trị, chính quyền cơ sở (số thôn, bản giáp biên giới, đặc biệt khó khăn...).

- Tình hình kinh tế - xã hội; quốc phòng - an ninh.

2. Tình hình tổ chức đảng, đảng viên

- Phân tích số lượng tổ chức đảng, đảng viên (so sánh thời điểm ban hành Đề án với thời điểm hiện nay, đặc biệt tại những xã biên giới, xã đặc biệt khó khăn trước khi thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp).

- Những khó khăn, hạn chế (chi bộ ít đảng viên, nguồn kết nạp đảng viên, chất lượng sinh hoạt, đảng viên đi lao động nước ngoài...).

II- CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO

1. Công tác quán triệt, tuyên truyền, phổ biến, cụ thể hóa ban hành kế hoạch, chương trình, văn bản lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Đề án (của các xã biên giới, xã đặc biệt khó khăn trước khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp).

2. Công tác triển khai thực hiện Đề án từ khi thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp đến nay.

III- KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN GIAI ĐOẠN 2023-2025

1. Kết quả thực hiện các mục tiêu của Đề án

(1)- Đánh giá kết quả phát triển đảng viên đối với các thôn, bản các xã biên giới, xã đặc biệt khó khăn.

(2)- Đánh giá tình hình kết quả hoạt động chỉ bộ quân sự cấp xã hiện nay.

(3)- Đánh giá công tác đào tạo bí thư, phó bí thư cấp ủy cơ sở các xã biên giới, xã đặc biệt khó khăn về trình độ trung cấp lý luận chính trị (% cao cấp, trung cấp, sơ cấp,...).

(4)- Trưởng thôn, bản; trưởng ban công tác mặt trận, thôn, bản các xã biên giới, xã đặc biệt khó khăn đạt tỷ lệ % là đảng viên.

(5)- Cán bộ, công chức cấp được đào tạo, bồi dưỡng đạt chuẩn theo quy định; cán bộ chủ chốt được đào tạo, bồi dưỡng theo chuẩn chức danh lãnh đạo chủ chốt xã; công chức các xã biên giới, xã đặc biệt khó khăn đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, bản tại các xã biên giới, xã đặc biệt khó khăn được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng theo vị trí việc làm (đánh giá theo mục tiêu tại Đề án số 09).

(6)- Kết quả đánh giá hằng năm tổ chức cơ sở đảng tại các xã biên giới, xã đặc biệt khó khăn.

2. Mô hình mới, cách làm hay, sáng tạo ảnh hưởng tích cực đến việc triển khai thực hiện Đề án (có minh chứng cụ thể).

IV- ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được (khái quát, nổi bật).
2. Hạn chế, khó khăn.
3. Nguyên nhân (khách quan, chủ quan).

V- BÀI HỌC KINH NGHIỆM

VI- KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đối với Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.
2. Đối với các ban, sở, ngành liên quan.

Lưu ý: Trên đây là Đề cương gợi ý; các cấp ủy, tổ chức đảng căn cứ theo Đề án số 09 và tình hình thực tế để báo cáo đánh giá toàn diện về kết quả thực hiện Đề án số 09 tại địa phương, đơn vị mình cho phù hợp.

DANH SÁCH THÔN, BẢN, TỔ DÂN PHỐ

Tại thời điểm hiện nay

(kèm theo Kế hoạch số 32-KH/TU, ngày 28/02/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Biểu 01

TT	Tên thôn, bản	Giáp biên giới (đánh dấu X)	Đặc biệt khó khăn (đánh dấu X)	Số đảng viên hiện có	Kết quả kết nạp đảng viên hằng năm			Ghi chú
					2023	2024	2025	
I	ĐẢNG BỘ ...							
1	Bản ...							
2	Bản ...							
3	Bản ...							
...								
	TỔNG CỘNG							

THỐNG KÊ, PHÂN TÍCH ĐỘI NGŨ ĐẢNG VIÊN**Tại thời điểm hiện nay***(kèm theo Kế hoạch số 32-KH/TU, ngày 28/02/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)*

Biểu 02

Tiêu chí	Tổng số đảng viên	Ghi chú
I. Tổng số		
<i>Trong đó: - Nữ</i>		
- Dự bị		
- Dân tộc thiểu số		
- Người theo tôn giáo		
- Đoàn viên TNCS Hồ Chí Minh		
- Chủ doanh nghiệp tư nhân		
- Có quan hệ hôn nhân với người nước ngoài		
- Kết nạp lại		
- Đảng viên được miễn công tác và sinh hoạt Đảng		
<i>Trong đó: Do tuổi cao, sức khỏe yếu</i>		
* Phân tích một số nội dung liên quan đến thực hiện Đề án		
- Đảng viên Nữ là dân tộc thiểu số		
- Trưởng thôn, bản là đảng viên		
- Trưởng Ban công Mặt trận thôn, bản là đảng viên		
- Bí thư Chi bộ đồng thời là Trưởng thôn, bản		
- Bí thư Chi bộ thôn, bản có trình độ THPT		
II. Phân tích đảng viên, đảng viên mới kết nạp		
1. Nghề nghiệp ($1=a+b$)		
a. Đảng viên đang làm việc và công tác		
- Cán bộ, công chức cơ quan Nhà nước		
- Cán bộ, công chức cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội		
- Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố, bản		
- Viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập		
- Người lao động trong các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập		
- Lãnh đạo, quản lý và lao động trong các doanh nghiệp, chia ra:		
+ <i>Người lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp</i>		
+ <i>Nhân viên, người gián tiếp sản xuất</i>		
+ <i>Công nhân, lao động trực tiếp sản xuất</i>		
- Người làm nông, lâm, ngư nghiệp		
- Sĩ quan, chiến sỹ quân đội		
- Sĩ quan, chiến sỹ công an		
- Sinh viên		
- Học sinh		
- Khác (lao động hợp đồng, tự do...)		
b. Đảng viên đã nghỉ hưu và nghỉ công tác		
2. Tuổi đời		
- Từ 18 - 30 tuổi		
- Từ 31 - 35 tuổi		
- Từ 36 - 40 tuổi		
- Từ 41 - 45 tuổi		

Tiêu chí	Tổng số đảng viên	Ghi chú
- Từ 46 - 50 tuổi		
- Từ 51 - 55 tuổi		
- Từ 56 - 60 tuổi		
- Trên 60 tuổi		
- Tuổi bình quân		
3. Thời gian kết nạp vào Đảng		
- Trước 19/8/1945		
- Từ 19/8/1945 - 20/7/1954		
- Từ 21/7/1954 - 30/4/1975		
- Từ 01/5/1975 đến nay		
4. Trình độ giáo dục phổ thông		
- Biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ		
- Tiểu học		
- Trung học cơ sở		
- Trung học phổ thông		
5. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ		
- Công nhân kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ, sơ cấp		
- Trung cấp		
- Cao đẳng		
- Đại học		
- Thạc sỹ		
- Tiến sỹ		
6. Chức danh khoa học		
- Phó Giáo sư		
- Giáo sư		
7. Trình độ lý luận chính trị		
- Sơ cấp		
- Trung cấp		
- Cao cấp, cử nhân		
III. Kỷ luật đảng viên (từ 9/2023 đến nay), trong đó:		
- Kiểm trách		
- Cảnh cáo		
- Khai trừ		
IV. Xóa tên, trong đó:		
- Đảng viên bỏ sinh hoạt đảng hoặc không đóng đảng phí ba tháng trong năm mà không có lý do chính đáng		
- Đảng viên tự ý trả thẻ đảng viên hoặc tự hủy thẻ đảng viên		
- Đảng viên giảm sút ý chí phấn đấu, không thực hiện nhiệm vụ đảng viên, đã được chi bộ giáo dục nhưng sau 12 tháng phấn đấu không tiến bộ		
- Đảng viên hai năm liên vi phạm tư cách đảng viên		
- Đảng viên không bảo đảm tiêu chuẩn chính trị theo quy định của Bộ Chính trị		
IV. Xin ra khỏi Đảng, trong đó:		
- Cán bộ, công chức		
- Học sinh, sinh viên		
- Bộ đội xuất ngũ		
- Đối tượng khác		